

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **511/2020/HS-ST**

Ngày: 16-9-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Thìn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 444/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 505/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo **Nguyễn Duy P**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 07 năm 1983, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú hiện nay: Số A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1961 (Còn sống); Họ tên mẹ: Khổng Thị H, sinh năm 1959 (Còn sống); Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/04/2020 đến ngày 20/04/2020; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

2. Bị cáo **Nguyễn Duy Th**; Tên gọi khác: Th Ma; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 03 năm 1984, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số

A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú hiện nay: Số A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1961 (Còn sống); Họ tên mẹ: Khổng Thị H, sinh năm 1959 (Còn sống); Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ ba; Họ tên vợ: Đàm Như N, sinh năm 1991; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2009 và 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/07/2006, bị Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời hạn 24 tháng; Bị tạm giữ từ ngày 11/04/2020 đến ngày 20/04/2020; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

3. Bị cáo **Bùi Mạnh Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Số A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên cha: Bùi Văn P, sinh năm 1958 (Còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (Còn sống); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 14/05/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/07/2018 nhưng chưa bồi thường dân sự và chưa nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/07/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Đ chấp hành xong bản án tù tháng 02/2011; Ngày 29/09/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Đ chấp hành xong bản án tù 14/06/2012; Bị tạm giữ từ ngày 11/04/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 470 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. (có mặt)

4. Bị cáo **Nguyễn Duy S**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 31 tháng 08 năm 1994, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Số A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn L (Đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1969 (Còn sống); Bị cáo là con một và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/02/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng; Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 24/02/2016; Bị tạm giữ từ ngày 11/04/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 471 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa;

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. (có mặt)

5. Bị cáo **Trương Quốc C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 19 tháng 12 năm 1989, tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Đội A, xóm T, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên cha: Trương Quốc Q - Sinh năm: không rõ (Còn sống); Họ tên mẹ: Phạm Thị Y - Sinh năm 1968 (Còn sống); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; Họ tên vợ: Lê Thị D, sinh năm 1988; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2012 và 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 25/07/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng; Bị cáo chưa chấp hành quyết định; Nhân thân: Ngày 24/08/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 34 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Chấp hành xong bản án được tha tù ngày 01/09/2014; Bị tạm giữ từ ngày 11/04/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 469 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. (có mặt)

6. Bị cáo **Tổng Thiên A**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 08 năm 1995, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Số A, tổ B, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Họ tên cha: Tổng Văn H, sinh năm 1956 (Còn sống); Họ tên mẹ: Bùi Thị H, sinh năm 1959 (Còn sống); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/04/2020 đến ngày 20/04/2020; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

7. Bị cáo **Trần Đức Th1**; Tên gọi khác: Mập; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 03 năm 1996, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Số A, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Họ tên cha: Trần Đình T, sinh năm 1965 (Còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1965 (Còn sống); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/04/2020 đến ngày 20/04/2020; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

8. Bị cáo **Nguyễn Lê H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1985, tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Số A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên cha: Nguyễn Hữu D, sinh năm 1961 (Đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị G, sinh năm 1963 (Còn sống); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/04/2020 đến ngày 20/04/2020; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Bùi Mạnh Đ, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H:* Ông Nguyễn Huy H1, sinh năm 1985. Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Biên – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Duy P là lái xe thuê cho bà Nguyễn Thị L. Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 11/04/2020, P điều khiển xe ô tô biển số 60A-331.78 chở bà L về đến đầu hẻm nhà bà L thuộc tổ 1, khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa thì xe do P điều khiển va quệt vào tấm tôn của cửa hàng tôn cũ “Minh Hoàng” để lán ra đường. Bà L xuống xe kiểm tra thấy xe bị trầy xước nên lên tiếng trách móc cửa hàng “Minh Hoàng” để đồ lán chiếm lòng đường. Lúc này, Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1990 và C (không rõ lai lịch, địa chỉ) là nhân viên cửa hàng “Minh Hoàng” thấy vậy thì đổ lỗi cho lái xe và chửi mắng lái xe nên P xuống xe lời qua tiếng lại và thách thức đánh nhau. A và C xông vào đánh P nhưng P bỏ chạy. A và C rượt đuổi P khoảng 100m thì dừng lại rồi đi quay về cửa hàng “Minh Hoàng”. Bực tức vì bị đuổi đánh, P điện thoại cho Nguyễn Duy Th (em trai P) nói cho Th biết sự việc và nhờ Th rủ thêm người lên đánh A và C, Th đồng ý. Th rủ Nguyễn Duy S, Trương Quốc C, Bùi Mạnh Đ, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H cùng đi. Trước khi đi Th lấy 01 (một) súng ngắn bắn đạn bi có 08 viên đạn bi và 02 (hai) gậy đánh bóng chày bằng kim loại, mỗi gậy dài khoảng 70cm. Th giữ súng, đưa cho Đ và S mỗi người 01 (một) gậy đánh bóng chày. Sau đó, Th điều khiển xe mô tô biển số 61B1-717.86 chở S, Th1 điều khiển xe mô tô biển số 60F3-476.04 chở Đ, A điều khiển xe mô tô biển số 60M8-4504 chở H và C đến gặp P. P nói cho cả nhóm biết A và C đã đi về cửa hàng “Minh Hoàng” rồi P rủ cả nhóm đến tìm đánh gây thương tích cho A và C, tất cả đồng ý rồi cùng chờ nhau mang theo hung khí (súng và gậy đánh bóng chày) đến cửa hàng “Minh Hoàng”. Khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, P, Th, S,

C, Đ, A, Th1, H đến trước cửa hàng “Minh Hoàng” tìm A và C để đánh nhưng chưa kịp đánh thì bị tổ tuần tra kiểm soát của Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Đồng Nai và Công an phường Trảng Dài phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, P, Th, S, C, Đ, A, Th1, H khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 02 (hai) gậy đánh bóng chày bằng kim loại, mỗi gậy dài 70cm và 01 (một) súng ngắn, hộp tiếp đạn có 08 (tám) viên bi bằng kim loại.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 354952/05/684663/1 của Nguyễn Duy P và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia số Imei 353101113293475 của Nguyễn Duy Th sử dụng liên lạc với nhau đi gây án.

- 03 (ba) xe mô tô gồm: 01 xe biển số 61B1-717.86, 01 xe biển số 60F3-476.04 và 01 xe biển số 60M8-4504 của chị Nguyễn Thị Tuyết Trinh. Chị Trinh không biết các bị cáo sử dụng xe chở nhau đi gây án nên Cơ quan điều tra đã trả xe cho chị Trinh.

Tại Bản kết luận giám định số 2129/C09B ngày 16/04/2020 của Viện Khoa học hình sự - Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- 01 (một) vật hình khẩu súng bên trong có 01 (một) hộp tiếp đạn (hộp tiếp đạn có 08 viên bi và 01 bình kim loại màu trắng đựng khí nén) là súng đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng.

- 02 (hai) gậy đánh bóng chày bằng kim loại và khẩu súng gửi giám định khi sử dụng gây thương tích cho người khác là hung khí nguy hiểm.

2. Các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Hoàng A có hành vi đánh nhau, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xử phạt hành chính.

- Đối với người tên C (chưa rõ lai lịch) có hành vi đánh nhau, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

3. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 455/CT-VKSBH-HS ngày 05/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Trương Quốc C, Bùi Mạnh Đ, Tống Thiên

A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt Bùi Mạnh Đ từ 07 tháng tù đến 08 tháng tù;

- Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Nguyễn Duy S, Trương Quốc C mỗi bị cáo từ 06 đến 07 tháng tù;

- Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th cải tạo không giam giữ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng; Tổng Thiên A, Trần Đức Th1, Nguyễn Lê H cải tạo không giam giữ từ 09 tháng đến 01 năm. Giao các bị cáo cho địa phương giám sát, giáo dục.

- Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

4. Ý kiến của người tham gia tố tụng:

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Bùi Mạnh Đ, Tổng Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H là ông Nguyễn Huy H1 trình bày: Thống nhất về nội dung truy tố, định tội và một phần về khung hình phạt của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân phạm tội là có một phần lỗi của anh Nguyễn Hoàng A và đối tượng tên C, các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Đề nghị xem xét cho các bị cáo Đ, S, C hưởng mức hình phạt tù bằng với thời hạn tạm giam và trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa; các bị cáo P, Th, Th1, A, H cải tạo không giam giữ để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và để các bị cáo có cơ hội cải tạo, sửa chữa sai lầm.

5. Lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 11/04/2020, tại tổ 1, khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, do có mâu thuẫn cãi vã khi lưu thông trên đường, Nguyễn Duy P bị Nguyễn Hoàng A và C (không rõ lai lịch, địa chỉ) rượt đuổi làm P phải bỏ chạy. P đã rủ rôi cùng Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Trương Quốc C, Bùi Mạnh Đ, Tống Thiên A, Trần Đức Th1, Nguyễn Lê H chuẩn bị và mang theo 02 (hai) gậy đánh bóng chày bằng kim loại, mỗi gậy dài 70cm, 01 (một) súng đồ chơi nguy hiểm bắn đạn bi là hung khí nguy hiểm để đánh gây thương tích cho A và C nhưng chưa kịp đánh thì bị tổ tuần tra kiểm soát của Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Đồng Nai và Công an phường Trảng Dài phát hiện bắt quả tang.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Trương Quốc C, Bùi Mạnh Đ, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 455/CT-VKSBH-HS ngày 05/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Trương Quốc C, Bùi Mạnh Đ, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy chưa gây hậu quả nhưng đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo là người đã trưởng thành, vì mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống đã không kiềm chế được bản thân, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp.

Tuy nhiên, trong vụ án này nguyên nhân xảy ra hành vi phạm tội có một phần lỗi của Nguyễn Hoàng A và đối tượng tên C là đã gây gỗ và đánh bị cáo P trước.

- Về tính chất đồng phạm, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, với tính chất đồng phạm giản đơn, cụ thể: Nguyễn Duy P là người rủ rê và cùng đồng phạm chuẩn bị phạm tội; Nguyễn Duy Th là người rủ rê, chuẩn bị hung khí và cùng đồng phạm chuẩn bị phạm tội; Bùi Mạnh Đ, Nguyễn Duy S là người đem theo hung khí và cùng đồng phạm chuẩn bị phạm tội; Trương Quốc C, Tống Thiên A, Trần Đức Th1, Nguyễn Lê H là người cùng chuẩn bị phạm tội. Bị cáo Đ có tiền án; bị cáo S, Thương nhân thân xấu. Do đó, cần có mức hình phạt đối với Đ cao hơn các bị cáo S, Thương; mức hình phạt đối với P, Th cao hơn các bị cáo A, Th1, H.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Trương Quốc C, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H: Không có.

+ Bị cáo Bùi Mạnh Đ: Tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần xét thấy: Đối với các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H trong thời gian

tại ngoại chấp hành tốt quy định của pháp luật, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là cũng đủ răn đe đối với bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đồng thời, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo; Đối với các bị cáo Bùi Mạnh Đ, Trương Quốc C, Nguyễn Duy S đã bị tạm giam một thời gian là cần thiết và đủ nghiêm để các bị cáo nhận thức về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) gậy đánh bóng chày bằng kim loại (mỗi gậy dài 70cm) và 01 (một) súng ngắn bắn đạn bi, hộp tiếp đạn có 08 viên bi bằng kim loại.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 354952/05/684663/1 của Nguyễn Duy P và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia số Imei 353101113293475 của Nguyễn Duy Th sử dụng liên lạc với nhau đi gây án.

[4] Các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Hoàng A có hành vi đánh nhau, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xử phạt hành chính là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người tên C (chưa rõ lai lịch) có hành vi đánh nhau, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận;

- Đối với phần trình bày của người bào chữa tại phiên tòa có phần phù hợp nên được chấp nhận một phần;

- Đối với phần trình bày của các bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Trương Quốc C, Bùi Mạnh Đ, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt Bùi Mạnh Đ 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2020;

2. Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy S, Trương Quốc C 05 (năm) tháng 06 (sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2020.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Duy S, Trương Quốc C ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Căn cứ khoản 6 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó là 10 ngày giam giữ bằng 30 ngày cải tạo không giam giữ tương đương 01 tháng cải tạo không giam giữ, như vậy bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó là 10 ngày giam giữ bằng 30 ngày cải tạo không giam giữ tương đương 01 tháng cải tạo không giam giữ, như vậy bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th cho Ủy ban nhân dân phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Tống Thiên A cho Ủy ban nhân dân xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

Giao bị cáo Trần Đức Th1 cho Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

Giao bị cáo Nguyễn Lê H cho Ủy ban nhân dân phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ

Các bị cáo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân nơi giám sát, giáo dục đồng ý bằng văn bản.

Các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H phải thực hiện những nghĩa vụ trong quá trình cải tạo không giam giữ tại địa phương theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) gậy đánh bóng chày bằng kim loại (mỗi gậy dài 70cm) và 01 (một) súng ngắn bắn đạn bi, hộp tiếp đạn có 08 viên bi bằng kim loại.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 354952/05/684663/1 của Nguyễn Duy P và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia số Imei 353101113293475 của Nguyễn Duy Th.

Các vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Th, Nguyễn Duy S, Trương Quốc C, Bùi Mạnh Đ, Tống Thiên A, Trần Đức Th1 và Nguyễn Lê H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hòa